

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh của Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 04 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH, ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07 tháng 9 năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 4766/QĐ-ĐHBK ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng ban hành quy định quản lý hoạt động khoa học công nghệ tại Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị Quyết số 22/NQ-HĐT ngày 08 tháng 10 năm 2021;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh của Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Phòng Tổ chức – Hành chính, Trường phòng Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế, Trường các đơn vị, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng Trường (để b/c);
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, P. KHCN&HTQT.



PGS.TS. Đoàn Quang Vinh

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
NHÓM NGHIÊN CỨU TIỀM NĂNG, NHÓM NGHIÊN CỨU MẠNH
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 24.79./QĐ-ĐHBK ngày 24 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này hướng dẫn việc tổ chức và hoạt động của các nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh thuộc Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng (sau đây gọi chung là “Trường”).
2. Quy chế này áp dụng đối với các nhóm nghiên cứu tiềm năng, nhóm nghiên cứu mạnh do Trường ra quyết định thành lập.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Nhóm nghiên cứu tiềm năng” (NCTN) là: tập hợp các nhà khoa học có lĩnh vực nghiên cứu trùng hoặc gần nhau; xây dựng được hướng nghiên cứu và phát triển dài hạn; có mục tiêu, kế hoạch nghiên cứu cho từng giai đoạn.
2. “Nhóm nghiên cứu mạnh” (NCM) là: tập thể các nhà khoa học có nhiều kinh nghiệm và uy tín; đã công bố các kết quả nghiên cứu có tính chuyên sâu hoặc liên ngành; có thành viên đến từ các chuyên ngành và đơn vị khác nhau cùng tham gia thực hiện để tạo ra các sản phẩm có giá trị khoa học và thực tiễn cao, gắn với đào tạo tiến sĩ và sau tiến sĩ.
3. “Công bố khoa học uy tín” (CBKHUT) là: công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế thuộc danh mục Web of Science (WoS) hay Scopus; bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp bởi Cục Sở hữu trí tuệ hoặc tương đương; sách chuyên khảo của các nhà xuất bản uy tín trong và ngoài nước.
4. “Sản phẩm ứng dụng uy tín” (SPUDUT) là: sản phẩm khoa học công nghệ (KHCN) có giá trị ứng dụng thực tiễn, được các bộ, ngành, tỉnh, thành phố ghi nhận, giới thiệu, chuyển giao.

5. “Sản phẩm của nhóm” là: sản phẩm đạt được từ kết quả hoạt động theo định hướng nghiên cứu của nhóm, có thể là CBKHUT hoặc SPUDUT.

6. “Tác giả thuộc Trường” là: tác giả khi công bố khoa học, ghi nơi công tác và địa chỉ lần lượt là “Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Bách khoa” và “54 Nguyễn Lương Bằng, Đà Nẵng” (tiếng Việt) hoặc “The University of Danang, University of Science and Technology” và “54 Nguyen Luong Bang, Danang, Vietnam” (tiếng Anh) và sử dụng địa chỉ email tác giả do Trường cấp, cụ thể, tên miền của email là @dut.udn.vn.

Điều 3. Mục đích thành lập các nhóm nghiên cứu

1. Xây dựng môi trường nghiên cứu chuyên sâu và liên ngành có tính chiến lược dài hạn, liên tục và kế thừa nhằm thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ (CGCN) của Trường.

2. Tạo điều kiện để tăng số lượng các CBKHUT và SPUDUT, tạo môi trường học thuật hấp dẫn để phát triển đội ngũ chuyên gia KHCN, nghiên cứu viên, nghiên cứu sinh và học viên cao học nhằm góp phần giải quyết các vấn đề khoa học và thực tiễn, đóng góp vào sự phát triển kinh tế và xã hội của Việt Nam. Nâng cao các chỉ số KHCN nói riêng và chỉ số xếp hạng đại học nói chung của Trường theo các chuẩn quốc tế, góp phần phát triển thương hiệu và vị thế của Trường trong khu vực và trên thế giới.

3. Tăng cường, thúc đẩy hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế trong NCKH và CGCN. Thiết lập cấu trúc hỗ trợ các nghiên cứu, hợp tác nghiên cứu được tài trợ từ bên ngoài Trường.

CHƯƠNG II

CÁC TIÊU CHÍ VÀ THỦ TỤC THÀNH LẬP

NHÓM NGHIÊN CỨU TIỀM NĂNG, NHÓM NGHIÊN CỨU MẠNH

Điều 4. Yêu cầu chung về định hướng phát triển và nhân lực của nhóm nghiên cứu

1. Định hướng phát triển:

a) Phải có định hướng và chiến lược phát triển rõ ràng được thể hiện qua mục tiêu, nội dung và sản phẩm cụ thể (số lượng CBKHUT, SPUDUT);

b) Đối với nhóm NCTN, hướng phát triển dài hạn phải có tính liên ngành, liên khoa;

c) Đối với nhóm NCM, mục tiêu nghiên cứu phải mang tính đột phá trong KHCN;

d) Phải gắn hoạt động NCKH với hoạt động đào tạo đại học, sau đại học, đặc biệt là

đào tạo trình độ tiến sĩ;

e) Có kế hoạch cụ thể cho việc tạo nguồn kinh phí triển khai nghiên cứu và duy trì hoạt động thường xuyên của nhóm.

2. Nhân lực:

a) Mỗi nhóm nghiên cứu gồm có 01 Trưởng nhóm, ít nhất 02 thành viên chính và ít nhất 02 thành viên hỗ trợ;

b) Mỗi cá nhân chỉ được chủ trì 01 nhóm, không được tham gia đồng thời quá 02 nhóm;

c) Nhóm NCM phải bao gồm các thành viên đến từ ít nhất 02 lĩnh vực chuyên môn khác nhau để đảm bảo tính liên ngành và từ ít nhất 02 Khoa khác nhau để bảo đảm tính liên khoa;

d) Thành viên từ bên ngoài Trường chiếm không quá 50% tổng số thành viên của nhóm. Khuyến khích mời các thành viên là các nhà khoa học uy tín trong và ngoài nước.

Điều 5. Tiêu chuẩn của Trưởng nhóm và các thành viên

1. Trưởng nhóm:

a) Là viên chức, giảng viên cơ hữu của Trường, có học vị tiến sĩ;

b) Là nhà khoa học có kinh nghiệm, uy tín; có năng lực tổ chức, tập hợp các thành viên nghiên cứu; có khả năng định hướng phát triển, xây dựng và điều phối triển khai các nhiệm vụ KHCN;

c) Có khả năng huy động các nguồn lực đảm bảo điều kiện cho hoạt động của nhóm;

d) Có trình độ tiếng Anh đáp ứng tốt yêu cầu nghiên cứu và giao tiếp;

e) Năng lực nghiên cứu:

- Đối với Trưởng nhóm NCTN: đã chủ trì thành công ít nhất 01 nhiệm vụ KHCN cấp Trường trở lên; đã có kinh nghiệm tham gia các đề tài cấp Bộ (hoặc tương đương) trở lên; là tác giả chính (*first author* hoặc *corresponding author*) của ít nhất 01 CBKHUT hoặc 01 SPUDUT theo hướng nghiên cứu được đăng ký trong 5 năm gần đây tính đến thời điểm đăng ký;

- Đối với Trưởng nhóm NCM: đã chủ trì thành công ít nhất 01 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ (hoặc tương đương) trở lên; là tác giả chính (*first author* hoặc *corresponding author*) của ít nhất 02 CBKHUT, hoặc 02 SPUDUT, hoặc 01 CBKHUT và 01 SPUDUT; có ít nhất 01 CBKHUT hoặc 01 SPUDUT theo hướng nghiên cứu được đăng ký trong 5 năm gần đây tính đến thời điểm đăng ký.

2. Thành viên chính:

a) Là viên chức, giảng viên cơ hữu của Trường hoặc chuyên gia trong nước, quốc tế ngoài Trường có hướng nghiên cứu phù hợp với định hướng nghiên cứu của nhóm; có trình độ thạc sĩ trở lên đối với nhóm NCTN; có trình độ tiến sĩ đối với nhóm NCM;

b) Năng lực nghiên cứu:

- Đối với nhóm NCTN: đã có ít nhất 01 công bố khoa học và đã tham gia đề tài nghiên cứu cấp Trường trở lên trong 5 năm gần đây tính đến thời điểm đăng ký và theo định hướng nghiên cứu của nhóm;

- Đối với nhóm NCM: đã có ít nhất 01 CBKHUT hoặc 01 SPUDUT và đã tham gia đề tài nghiên cứu cấp Bộ trở lên trong 5 năm gần đây tính đến thời điểm đăng ký và theo định hướng nghiên cứu của nhóm;

c) Do Trưởng nhóm đề xuất và được Trường chấp thuận.

3. Thành viên hỗ trợ:

a) Là viên chức, nghiên cứu viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên trong và ngoài Trường có năng lực chuyên môn phù hợp với định hướng nghiên cứu của nhóm;

b) Do Trưởng nhóm đề xuất và được Trường chấp thuận.

Điều 6. Quy trình thành lập nhóm nghiên cứu

1. Quy trình thành lập:

a) Hàng năm, Trường thông báo đến các đơn vị về việc đăng ký nhóm nghiên cứu;

b) Các nhà khoa học đủ điều kiện nộp hồ sơ đăng ký thành lập nhóm nghiên cứu về Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế (Phòng KHCHN&HTQT);

c) Trường thành lập các Hội đồng tư vấn đánh giá để xem xét hồ sơ và chọn nhóm NCTN, nhóm NCM; đối với nhóm NCM, Trường sẽ định hướng một số hướng nghiên cứu ưu tiên xét chọn;

d) Kết quả xét chọn là “Đạt” hoặc “Không đạt”; số lượng nhóm được chọn (Đạt) tùy thuộc vào tình hình thực tế của Trường;

e) Căn cứ kết quả xét chọn của các Hội đồng tư vấn đánh giá và kết quả thẩm định của Phòng KHCHN&HTQT, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận các nhóm NCTN, nhóm NCM và bổ nhiệm Trưởng nhóm; quyết định có giá trị tối đa 03 năm kể từ ngày ký;

f) Đối với các nhóm có kết quả Đạt, trong thời hạn 15 ngày sau khi được chọn, Trưởng nhóm có trách nhiệm hoàn thiện kế hoạch hoạt động trong 03 năm và đề cương hoạt động chi tiết của năm thứ nhất trên cơ sở góp ý của Hội đồng tư vấn đánh giá;

g) Hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch hoạt động trong 03 năm và đề cương hoạt động chi tiết của từng nhóm nghiên cứu sau khi Phòng KHCHN&HTQT và Phòng Kế hoạch –

Tài chính thẩm định.

2. Hồ sơ đăng ký:

- Đơn đăng ký thành lập nhóm nghiên cứu (M1_ĐHBK_NNC);
- Thuyết minh nhóm nghiên cứu (M2_ĐHBK_NNC);
- Lý lịch khoa học của Trưởng nhóm và các thành viên (M3_ĐHBK_NNC);
- Minh chứng về năng lực của nhóm theo các tiêu chí nêu ở Điều 5 (M4_ĐHBK_NNC);
- Các tài liệu bổ trợ khác (nếu có).

Bộ hồ sơ gốc được nộp về Phòng KHCN&HTQT và bộ hồ sơ scan định dạng .pdf được gửi qua địa chỉ email ghi trong thông báo đăng ký.

Điều 7. Hội đồng tư vấn đánh giá nhóm nghiên cứu

1. Hội đồng xét chọn gồm 05 hoặc 07 thành viên, trong đó có Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập. Các thành viên Hội đồng phải là các nhà khoa học có uy tín và có cùng hoặc rất gần lĩnh vực chuyên môn của nhóm đăng ký; có chức danh, học vị phó giáo sư, tiến sĩ trở lên (nếu là tiến sĩ thì có ít nhất 05 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn). Hội đồng có thể mời thành viên từ bên ngoài Trường.

2. Hồ sơ đăng ký nhóm nghiên cứu được chuyển đến các thành viên Hội đồng chậm nhất là 07 ngày trước khi Hội đồng họp xét chọn. Các ủy viên phản biện chuẩn bị bản nhận xét theo mẫu (M5_ĐHBK_NNC) và nộp về Phòng KHCN&HTQT 02 ngày trước khi Hội đồng họp.

3. Phiên họp của Hội đồng được xem là hợp lệ khi có mặt ít nhất 04 thành viên (đối với Hội đồng có 05 thành viên) hoặc 06 thành viên (đối với Hội đồng có 07 thành viên), trong đó có Chủ tịch và Thư ký. Trường hợp ủy viên phản biện không đồng ý thông qua hồ sơ đăng ký thì ủy viên đó nhất thiết phải có mặt tại phiên họp.

4. Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp. Hội đồng sẽ đánh giá trực tiếp hồ sơ đăng ký của nhóm nghiên cứu và xét chọn dựa trên các tiêu chí đã nêu trong Quy chế này. Các thành viên Hội đồng cũng góp ý để nhóm nghiên cứu hoàn chỉnh các nội dung hồ sơ.

5. Các thành viên Hội đồng xét chọn đánh giá thể hiện ý kiến thông qua Phiếu đánh giá (M6_ĐHBK_NNC), trong mỗi phiếu có kết luận “Đạt” và “Không đạt”. Kết quả đánh giá, xét chọn chung của Hội đồng là “Đạt” nếu có ít nhất 04 thành viên (đối với Hội đồng có 05 thành viên) hoặc 06 thành viên (đối với Hội đồng có 07 thành viên) kết luận là “Đạt”. Kết quả xét chọn của Hội đồng được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ các ý kiến của Hội đồng (M7_ĐHBK_NNC).

CHƯƠNG III

QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NHÓM NGHIÊN CỨU TIỀM NĂNG, NHÓM NGHIÊN CỨU MẠNH

Điều 8. Quy định về hoạt động nội bộ trong nhóm nghiên cứu

1. Trưởng nhóm chịu trách nhiệm hướng dẫn và giám sát việc tuân thủ đạo đức nghiên cứu của các thành viên trong nhóm nghiên cứu.
2. Các thành viên trong nhóm nghiên cứu, trừ Trưởng nhóm, có quyền đề nghị lên Trường về việc chấm dứt sự tham gia của mình trong nhóm nếu thấy nghiên cứu của nhóm không thích hợp với mình. Trong trường hợp có thành viên rời khỏi nhóm, nếu số lượng thành viên trong nhóm không còn được đảm bảo như đã nêu ở khoản 2 Điều 4 thì Trưởng nhóm phải đề xuất thành viên thay thế lên Trường.
3. Nhóm nghiên cứu không được sử dụng tên tuổi và uy tín của các nhà khoa học khác để đăng ký các nhiệm vụ KHCN nếu không nhận được sự đồng thuận hoặc vai trò thực sự của họ trong các nhiệm vụ này không đúng như bản đăng ký đã được phê duyệt.
4. Các thành viên trong cùng một nhóm nghiên cứu có trách nhiệm chia sẻ lẫn nhau về dữ liệu, thiết bị, phương pháp nghiên cứu và kết quả.
5. Viên chức quản lý và những người khác có khả năng tiếp cận dữ liệu nghiên cứu phải tuân thủ quy định của Luật Khoa học Công nghệ và các quy định về đạo đức nghiên cứu.
6. Mâu thuẫn lợi ích (nếu có) giữa các bên liên quan trong nghiên cứu khoa học cần được giải quyết một cách công khai, minh bạch, đúng pháp luật, đảm bảo những quyền lợi chính đáng của các bên có mâu thuẫn lợi ích.
7. Nếu nhóm nghiên cứu vi phạm các quy định nêu trên và không thể giải quyết nội bộ, Trường sẽ xem xét thành lập Hội đồng đánh giá và có thể hủy bỏ tư cách của nhóm.

Điều 9. Quyền lợi của nhóm nghiên cứu

1. Được ưu tiên xét duyệt, giao, đặt hàng triển khai các nhiệm vụ KHCN trong thẩm quyền của Trường; được ưu tiên tham gia đề xuất, tuyển chọn các nhiệm vụ KHCN các cấp, trong và ngoài nước.
2. Các phòng thí nghiệm của Trường gắn với các nhóm NCM, nhóm NCTN được ưu tiên xem xét đầu tư trang thiết bị, điều kiện nghiên cứu thông qua các dự án đầu tư phát triển, dự án tăng cường năng lực nghiên cứu của Trường.
3. Hàng năm, Trường cấp kinh phí hỗ trợ hoạt động cho các nhóm nghiên cứu dựa

trên hợp đồng có cam kết kết quả. Kinh phí cấp hàng năm cho nhóm thông qua đề tài cấp Trường loại ISI/Scopus/Bằng độc quyền sáng chế/Giải pháp hữu ích, nhiệm vụ hoạt động thường xuyên của nhóm và hỗ trợ kinh phí đi hội thảo.

4. Đối với các nhóm nghiên cứu thực hiện tốt nhiệm vụ tìm kiếm, huy động các nhiệm vụ KHCN về Trường chủ trì và quản lý thực hiện, Trường sẽ khuyến khích thưởng, cụ thể, quy đổi mỗi 01 tỷ đồng được huy động thành 1,0 điểm công bố khoa học đối với nhóm NCM và 300 triệu đồng được huy động thành 1,0 điểm công bố khoa học đối với nhóm NCTN. Quy định này chỉ tính đối với mức tiền (hoặc hiện vật quy đổi) được đưa về Trường quản lý, được làm tròn số điểm và tối đa không quá 10,0 điểm.

5. Các CBKHUT, SPUDUT và các giải thưởng, thành tích khoa học xuất sắc của nhóm nghiên cứu sẽ được khen thưởng định kỳ hay đột xuất theo quy định chung của Trường.

Điều 10. Trách nhiệm của nhóm nghiên cứu

1. Đề xuất, xây dựng đề cương, thuyết minh, đấu thầu, triển khai thực hiện các nhiệm vụ KHCN các cấp, trong đó ưu tiên tập trung các nhiệm vụ cấp Bộ (hoặc tương đương) trở lên và nhiệm vụ hợp tác quốc tế. Trong 03 năm, nhóm NCTN phải tham gia ít nhất 01 đề tài cấp Bộ, nhóm NCM phải chủ trì ít nhất 01 đề tài cấp Bộ (hoặc tương đương) trở lên do Trường chủ trì, quản lý thực hiện.

2. Đáp ứng các yêu cầu về kết quả CBKHUT như quy định tại Bảng 1 phần Phụ lục, theo 2 tiêu chí:

- a) Điểm CBKHUT được quy đổi từ các sản phẩm khoa học tại Bảng 2 phần Phụ lục;
- b) Số trích dẫn quốc tế: số trích dẫn thuộc hệ thống Scopus đối với các bài báo ISI/Scopus là sản phẩm của nhóm.

3. Tạo ra các SPUDUT và cung cấp các dịch vụ KHCN chất lượng cao. Trong 03 năm, nhóm NCTN phải tạo ra ít nhất 01 SPUDUT, nhóm NCM phải tạo ra ít nhất 02 SPUDUT. Căn cứ vào loại hình nhóm nghiên cứu (định hướng cơ bản, định hướng ứng dụng), Trường sẽ xem xét cho phép thay thế 01 SPUDUT bằng 1,0 điểm quy đổi quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trực tiếp tham gia đào tạo đội ngũ viên chức khoa học có trình độ cao. Trong 03 năm, nhóm NCTN phải tham gia đào tạo ít nhất 01 thạc sĩ hoặc hỗ trợ đào tạo ít nhất 01 nghiên cứu sinh; nhóm NCM phải tham gia đào tạo ít nhất 02 thạc sĩ và hỗ trợ đào tạo ít nhất 01 nghiên cứu sinh. Trường sẽ xem xét cho phép thay thế kết quả đào tạo 01 thạc sĩ bằng 0,5 điểm quy đổi, kết quả hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh bằng 1,0 điểm quy đổi

tại khoản 2 Điều này.

5. Tập hợp, kết nối nguồn lực giữa Trường với các bộ, ngành, tỉnh, thành phố và các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước.

6. Tham gia xây dựng và quảng bá thương hiệu Trường.

Điều 11. Điều kiện công nhận sản phẩm của nhóm

1. Tác giả chính (*first author* hoặc *corresponding author*) của các sản phẩm của nhóm phải là tác giả thuộc Trường và là thành viên của nhóm nghiên cứu.

2. Với mỗi sản phẩm của nhóm, phải có ít nhất 50% thành viên của nhóm nghiên cứu tham gia với tư cách tác giả.

3. Sản phẩm của nhóm phải bao gồm sự công nhận về sự hỗ trợ tài chính của Trường, ghi rõ số của nhóm nghiên cứu, cụ thể như sau: “Các tác giả gửi lời cảm ơn tới Đại học Đà Nẵng – Trường Đại học Bách khoa vì đã tài trợ cho công trình này thông qua Nhóm nghiên cứu số XXXXXX ” (tiếng Việt), “The authors extend their appreciation to The University of Danang – University of Science and Technology for funding this work through Research group no. XXXXXX” (tiếng Anh), hoặc bất kỳ lời cảm ơn nào khác có ý nghĩa tương tự.

4. Công bố khoa học có lời ghi nhận cảm ơn Trường Đại học Bách khoa-ĐHĐN và các đề tài/dự án khác trong nước, Nhà trường sẽ tính mức độ hoàn thành của sản phẩm đó như sau: Phần công trình được tính cho sản phẩm đề tài này sẽ bằng một (01) chia cho số đề tài/dự án trong nước. Tổng số phần các công trình được tính phải đáp ứng yêu cầu về số lượng theo thuyết minh đề tài đã phê duyệt

5. Công bố khoa học hoặc sản phẩm ứng dụng có ngày được nộp hoặc đăng ký xét duyệt trước khi ký hợp đồng sẽ không được công nhận là sản phẩm của nhóm.

6. Phải tuân thủ hoàn toàn các quy tắc và đạo đức nghiên cứu khoa học.

7. Đánh giá xếp hạng tạp chí (chỉ số Q, Scimago) cho sản phẩm của nhóm được xem xét tại thời điểm tổ chức Hội đồng nghiệm thu.

Điều 12. Triển khai hoạt động của nhóm nghiên cứu

1. Dựa trên kế hoạch, đề cương đã được phê duyệt, Trưởng nhóm có trách nhiệm tổ chức, triển khai hoạt động nghiên cứu kết hợp đào tạo của nhóm. Các thành viên có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được Trưởng nhóm phân công, đề xuất với Trưởng nhóm các giải pháp mới, giới thiệu các chuyên gia, nghiên cứu viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên tham gia nhóm.

2. Trong quá trình hoạt động, Trưởng nhóm được phép đề xuất với Trường về việc

thay thế, bổ sung thành viên của nhóm nghiên cứu, miễn là đáp ứng các tiêu chí được nêu tại Điều 5, thông qua Phòng KHCN&HTQT. Đề xuất có hiệu lực sau khi được Hiệu trưởng phê duyệt.

3. Trưởng nhóm chịu trách nhiệm trong việc sử dụng kinh phí theo các quy định hiện hành.

4. Trưởng nhóm báo cáo kết quả hoạt động của nhóm với Hiệu trưởng theo định kỳ 06 tháng một lần, vào tuần đầu tiên của tháng 6 và tháng 12 hàng năm. Việc tổ chức báo cáo được thông qua Phòng KHCN&HTQT theo mẫu báo cáo được đăng tải trên website <http://khcn.dut.udn.vn>.

Điều 13. Đánh giá kết quả hoạt động của nhóm nghiên cứu

1. Đánh giá hoạt động hàng năm

a) Trước tháng 12 hàng năm, Trưởng nhóm có trách nhiệm nộp báo cáo về Phòng KHCN&HTQT tình hình và kết quả triển khai hoạt động của nhóm nghiên cứu theo mẫu báo cáo được đăng tải trên website <http://khcn.dut.udn.vn>.

b) Hội đồng đánh giá hàng năm do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập.

c) Các nhóm nghiên cứu có kết quả đánh giá “Đạt” trở lên sẽ tiếp tục được hưởng các quyền lợi nêu ở Điều 9. Các nhóm có kết quả đánh giá “Chưa đạt” sẽ bị tạm dừng việc hưởng các quyền lợi nêu ở Điều 9 cho đến khi bổ sung các kết quả mới, hoặc giải trình thỏa đáng lý do chưa đạt và đưa ra giải pháp khắc phục.

2. Đánh giá tổng kết

a) Đánh giá tổng kết được thực hiện sau 03 năm tính từ ngày nhóm nghiên cứu được công nhận là nhóm NCTN, nhóm NCM.

b) Trưởng nhóm NCTN, nhóm NCM lập báo cáo tổng kết trước ngày kết thúc quá trình hoạt động 02 tháng như trong quyết định thành lập nhóm theo mẫu báo cáo được đăng tải trên website <http://khcn.dut.udn.vn>.

c) Phòng KHCN&HTQT trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá tổng kết.

d) Trong trường hợp nhóm nghiên cứu không đạt được yêu cầu về sản phẩm đầu ra, Trường xem xét cho kéo dài thời gian thực hiện tối đa là 01 năm, nhưng không hỗ trợ thêm kinh phí và các ưu tiên khác liên quan. Nếu hết thời gian kéo dài, nhóm nghiên cứu vẫn không đạt được yêu cầu của giai đoạn này thì Trường chỉ hỗ trợ các sản phẩm theo định mức hỗ trợ hiện hành.

Điều 14. Hội đồng đánh giá tổng kết

1. Hội đồng đánh giá tổng kết gồm 05 hoặc 07 thành viên, trong đó có Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập. Các thành viên Hội đồng phải là các nhà khoa học có uy tín và có cùng hoặc rất gần lĩnh vực chuyên môn của nhóm đăng ký; có chức danh, học vị phó giáo sư, tiến sĩ trở lên (nếu là tiến sĩ thì có ít nhất 05 năm kinh nghiệm công tác chuyên môn). Hội đồng có thể mời thành viên từ bên ngoài Trường.

2. Hồ sơ tổng kết hoạt động của nhóm nghiên cứu được chuyển đến các thành viên Hội đồng chậm nhất là 07 ngày trước khi Hội đồng họp. Các ủy viên phản biện chuẩn bị bản nhận xét theo mẫu (M8_ĐHBK_NNC) và nộp về Phòng KHCN&HTQT trước khi Hội đồng họp 02 ngày.

3. Phiên họp của Hội đồng được tiến hành khi có mặt ít nhất 04 thành viên (đối với Hội đồng có 05 thành viên) hoặc 06 thành viên (đối với Hội đồng có 07 thành viên), trong đó có Chủ tịch và Thư ký. Thành viên vắng mặt phải gửi phiếu đánh giá về Hội đồng trước ngày diễn ra cuộc họp.

4. Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp. Sau khi nghe đại diện nhóm nghiên cứu trình bày tóm tắt báo cáo tổng kết, các thành viên Hội đồng cho ý kiến thảo luận trực tiếp.

5. Các thành viên Hội đồng đánh giá tổng kết thể hiện ý kiến thông qua Phiếu đánh giá (M9_ĐHBK_NNC). Căn cứ vào mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được nêu ở khoản 2 Điều 10, kết quả hoạt động của nhóm nghiên cứu được đánh giá theo thang điểm tổng hợp (100 điểm) ứng với các mức “Xuất sắc” (từ 90 điểm trở lên), “Tốt” (từ 80 điểm trở lên), “Đạt” (từ 65 điểm trở lên), “Không đạt” (dưới 65 điểm). Kết quả đánh giá, xét chọn chung của Hội đồng là “Đạt” nếu có ít nhất 04 thành viên (đối với Hội đồng có 05 thành viên) hoặc 06 thành viên (đối với Hội đồng có 07 thành viên) kết luận là “Đạt”. Kết quả đánh giá của Hội đồng được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ các ý kiến của Hội đồng (M10_ĐHBK_NNC).

6. Các nhóm nghiên cứu có những thành tích nghiên cứu và chuyển giao đặc biệt được đề xuất nâng mức kinh phí đầu tư cho đợt đăng kí tiếp theo.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các đơn vị chức năng liên quan

1. Phòng KHCN&HTQT là đơn vị thường trực, tham mưu cho Hiệu trưởng về việc xét chọn, công nhận các nhóm nghiên cứu; quản lý, giám sát và đánh giá kết quả hoạt động của các nhóm nghiên cứu ở Trường theo đúng các quy định hiện hành (về văn bản thủ tục, nhân sự, tiến độ, khối lượng, chất lượng, hội thảo, nghiệm thu, lưu trữ quản lý hồ sơ, dữ liệu và những công việc liên quan trong quá trình thực hiện). Phòng KHCN&HTQT quản lý và giải quyết các thủ tục liên quan tới các thành viên của nhóm NCTN, nhóm NCM là người nước ngoài.

2. Phòng Kế hoạch – Tài chính có trách nhiệm quản lý tài chính liên quan đến các hoạt động của nhóm NCTN, nhóm NCM theo các quy định hiện hành.

3. Phòng Tổ chức – Hành chính có trách nhiệm quản lý và giải quyết các thủ tục liên quan tới chế độ làm việc, nhân sự của các thành viên nhóm NCTN, nhóm NCM là viên chức của Trường.

4. Phòng Cơ sở Vật chất có trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu về trang thiết bị, cơ sở vật chất của các nhóm NCTN và nhóm NCM, phối hợp cùng Phòng KHCN&HTQT và Phòng Kế hoạch – Tài chính trình Ban giám hiệu xem xét, phê duyệt.

5. Phòng Đào tạo có trách nhiệm quản lý hoạt động đào tạo đại học, sau đại học của các thành viên nhóm NCTN, nhóm NCM.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị và cá nhân cần phản ánh kịp thời về Phòng KHCN&HTQT để tổng hợp và trình Hiệu trưởng xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. 

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đoàn Quang Vinh

PHỤ LỤC

Bảng 1. Yêu cầu về kết quả công bố khoa học (CBKH), tính tích lũy đến cuối năm đánh giá.

Nhóm / Giai đoạn	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
Nhóm nghiên cứu tiềm năng	Điểm CBKH > 0,5	Điểm CBKH > 1,5 Số trích dẫn > 5	Điểm CBKH > 3,0 Số trích dẫn > 10
Nhóm nghiên cứu mạnh	Điểm CBKH > 2,0	Điểm CBKH > 5,0 Số trích dẫn > 25	Điểm CBKH > 10,0 Số trích dẫn > 50

Bảng 2. Điểm quy đổi các công bố khoa học uy tín.

TT	Sản phẩm	Điểm quy đổi
1	Bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục SCI, SCIE, SSCI, A&HCI	
1.1	Tạp chí trong nhóm Q1 thuộc lĩnh vực nghiên cứu của bài báo	2,0
1.2	Tạp chí trong nhóm Q2 thuộc lĩnh vực nghiên cứu của bài báo	1,6
1.3	Tạp chí trong nhóm Q3 thuộc lĩnh vực nghiên cứu của bài báo	1,2
1.4	Tạp chí trong nhóm Q4 thuộc lĩnh vực nghiên cứu của bài báo	1,0
2	Bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục ESCI và Scopus	1,0
3	Bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục ESCI hoặc Scopus	0,8
4	Báo cáo đăng trên kỷ yếu hội thảo thuộc danh mục ISI/Scopus	0,6 (*)
5	Bằng độc quyền sáng chế do Cục SHTT cấp	2,0 (**)
6	Bằng độc quyền giải pháp hữu ích do Cục SHTT cấp	1,6 (**)
7	Sách chuyên khảo	2,0

(*): Bài báo đăng trên kỷ yếu hội thảo thuộc danh mục ISI/Scopus không được xem là CBKHUT, tuy nhiên, Trường vẫn xem xét quy đổi điểm CBKH.

(**): Trường hợp chấp nhận đơn được tính 30% mức điểm quy đổi, khi được cấp bằng sẽ tính thêm 70% còn lại. Bằng sở hữu trí tuệ do quốc tế cấp và các loại sở hữu trí tuệ khác sẽ được Phòng KHCN&HTQT và các chuyên gia thẩm định để xác định mức điểm cụ thể.